

**ĐẢNG BỘ KHÔI CÁC CƠ QUAN
VÀ DOANH NGHIỆP TỈNH
ĐẢNG ỦY SỞ TÀI CHÍNH**

*

Số 165-CV/ĐU
Về việc sao gửi văn bản

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Trà Vinh, ngày 17 tháng 06 năm 2022

Kính gửi: Các chi bộ trực thuộc.

Thực hiện Hướng dẫn số 45,46,47-HD/BTGTU ngày 10,13/6/2022 của Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy về Đề cương tuyên truyền.

Đảng ủy Sở sao gửi Đề cương tuyên truyền đến các chi bộ nội dung sau:

1. Đề cương tuyên truyền kỷ niệm 110 năm ngày sinh đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ.

2. Tài liệu tuyên truyền về tình hình và kết quả quan hệ Việt Nam-Campuchia giai đoạn 2017-2022.

3. Tài liệu tuyên truyền về tình hình và quan hệ hợp tác Việt Nam-Lào giai đoạn 2017-2022.

Đề nghị chi bộ triển khai tuyên truyền thực hiện./.

(đính kèm đề cương).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Trang TTĐT Sở;
- Lưu: ĐUS.

**T/M ĐẢNG ỦY
PHÓ BÍ THƯ**

Nguyễn Thị Nghĩa

ĐỀ CƯƠNG TUYÊN TRUYỀN KỶ NIỆM 110 NĂM NGÀY SINH ĐỒNG CHÍ TỔNG BÍ THƯ NGUYỄN VĂN CỪ

I. Khái lược tiểu sử và quá trình hoạt động cách mạng của đồng chí Nguyễn Văn Cừ

Đồng chí Nguyễn Văn Cừ sinh ngày 09/7/1912 trong một gia đình nhà nho nghèo, có truyền thống khoa bảng ở làng Phù Khê, xã Phù Khê, huyện Từ Sơn, nay là phường Phù Khê, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh, là hậu duệ đời thứ 17 của đại thi hào - danh nhân văn hoá thế giới Nguyễn Trãi.

Năm 1927, Đồng chí tham gia tổ chức Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên; năm 1928, tham gia vào các phong trào vận động quần chúng đứng lên đấu tranh chống sự áp bức bóc lột của đế quốc và bè lũ tay sai. Vì những hoạt động này, Đồng chí bị đuổi học giữa khóa.

Cuối năm 1928, thực hiện chủ trương “vô sản hóa” của Kỳ bộ Thanh niên Bắc Kỳ, đồng chí Nguyễn Văn Cừ (lúc này lấy tên là Phùng) ra mỏ Vàng Danh làm phu cuốc than để vừa rèn luyện, vừa thâm nhập trong phong trào công nhân, giác ngộ công nhân. Tháng 6/1929, Đông Dương Cộng sản Đảng ra đời, Đồng chí trở thành đảng viên của Đảng và được phân công phụ trách các chi bộ ở Cẩm Phả, Cửa Ông.

Sau khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời (tháng 2/1930), Đồng chí được cử là Bí thư đặc khu Hòn Gai - Uông Bí. Đồng chí đã lãnh đạo phong trào cách mạng ở vùng mỏ phát triển mạnh mẽ; trực tiếp tổ chức và chỉ đạo công nhân toàn vùng mỏ đấu tranh nhân ngày Quốc tế lao động 1/5/1930, cờ đỏ búa liềm được cắm trên đỉnh núi Bài Thơ (Hòn Gai), thị trấn Cẩm Phả và nhiều nơi khác.

Tháng 02/1931, trên đường đi công tác từ Cẩm Phả về Hòn Gai, Đồng chí bị thực dân Pháp bắt, đưa về giam ở nhà tù Hỏa Lò; bị kết án tù khổ sai và bị đày đi Côn Đảo.

Năm 1936, trước áp lực của các cuộc đấu tranh mạnh mẽ của Nhân dân ta và phong trào Mặt trận nhân dân Pháp, đồng chí Nguyễn Văn Cừ và một số tù chính trị Côn Đảo được trả tự do. Đồng chí về Hà Nội, tìm bắt liên lạc với tổ chức Đảng, lập ra Ủy ban sáng kiến, có vai trò như Xứ ủy lâm thời Bắc Kỳ. Tại Hội nghị Trung ương Đảng tháng 9/1937, Đồng chí được bầu vào Ban Chấp hành Trung ương Đảng và được cử vào Ban Thường vụ Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương.

Tháng 3/1938, tại Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Đồng chí được bầu làm Tổng Bí thư của Đảng; tháng 7/1939, Đồng chí viết tác phẩm “Tự chỉ

trích” để đấu tranh tự phê bình và phê bình trong Đảng, chấn chỉnh những tư tưởng lệch lạc, sai trái, thực hiện đoàn kết, thống nhất trong toàn Đảng. Tháng 9/1939, Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ, Đồng chí đã chỉ đạo đưa Đảng rút vào hoạt động bí mật và tích cực chuẩn bị cho việc chuyển hướng chỉ đạo cách mạng. Tháng 11/1939, trên cương vị Tổng Bí thư của Đảng, Đồng chí triệu tập và chủ trì Hội nghị Trung ương lần thứ 6 tại Bà Điểm (Gia Định), quyết định việc thay đổi chiến lược cách mạng và thành lập Mặt trận thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương thay cho Mặt trận Dân chủ thống nhất Đông Dương.

Giữa lúc phong trào cách mạng của dân tộc đang bước vào thời kỳ mới, ngày 18/01/1940, đồng chí Nguyễn Văn Cừ bị địch bắt tại đường Nguyễn Tấn Nghiêm, thành phố Sài Gòn.

Ngày 23/11/1940, sau khi khởi nghĩa Nam Kỳ bùng nổ, thực dân Pháp khép đồng chí Nguyễn Văn Cừ vào tội đã thảo ra “Nghị quyết thành lập Mặt trận Thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương”, “Chủ trương bạo động”, là người có trách nhiệm tinh thần trong cuộc Khởi nghĩa Nam Kỳ và kết án tử hình Đồng chí. Ngày 28/8/1941, Đồng chí anh dũng hy sinh tại trường bắn Ngã Ba Giồng, xã Bà Điểm, huyện Hóc Môn, thành phố Sài Gòn.

Với 29 tuổi đời, hơn 13 năm tham gia cách mạng, 7 năm bị giam cầm trong nhà tù đế quốc, hơn hai năm làm Tổng Bí thư của Đảng, Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ đã có những cống hiến to lớn cho sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc ta.

II. Những cống hiến to lớn của đồng chí Nguyễn Văn Cừ với sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc

1. Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ với sự thay đổi chiến lược, tạo ra bước ngoặt quan trọng của cách mạng Việt Nam

Khi nguy cơ chiến tranh thế giới đang đến gần, nhận thấy tình hình quốc tế đang có những chuyển biến bất lợi cho cách mạng, Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ đã sớm đặt vấn đề thay đổi chiến lược của Đảng. Đồng chí đã viết một số bài đăng trên báo Dân chúng như: “Chung quanh vấn đề Nhật chiếm Hải Nam”; “Cùng ông Nguyễn Văn Sâm, chủ nhiệm báo Tự do”... Trong các bài báo đó, Đồng chí đã phân tích tình hình, vạch rõ nguy cơ chiến tranh phát xít ở châu Á và Đông Dương, đồng thời kêu gọi nhân dân đẩy mạnh đấu tranh hơn nữa để chống chiến tranh xâm lược của chủ nghĩa phát xít. Đầu tháng 9/1939, đồng chí Nguyễn Văn Cừ triệu tập và chủ trì Hội nghị mở rộng Xứ ủy Bắc Kỳ, phổ biến tình hình và quyết định rút một số cán bộ vào hoạt động bí mật, phân công một số cán bộ Xứ ủy và thành ủy Hà Nội đi xây dựng căn cứ ở các địa bàn chiến lược, chuẩn bị cơ sở cho cuộc đấu tranh vũ trang khi có điều kiện.

Ngày 6/11/1939, hai tháng sau khi Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ, Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ triệu tập Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương

Đảng tại Bà Điểm (Hóc Môn, Gia Định), đã phân tích sâu sắc tính chất chiến tranh thế giới thứ hai, những chính sách của đế quốc Pháp, thái độ các giai cấp, tầng lớp xã hội và vạch ra đường lối chính trị của cách mạng Việt Nam trước tình hình mới. Hội nghị nhận định: chiến tranh sẽ gieo đau thương cho nhân loại, nhưng cuối cùng sự nghiệp cách mạng của nhân dân thế giới sẽ chiến thắng chủ nghĩa phát xít; lúc này ở Việt Nam và Đông Dương, sự thống trị của đế quốc Pháp đã trở thành một chế độ phát xít thuộc địa, thỏa hiệp đầu hàng phát xít Nhật. Do đó, giải phóng dân tộc khỏi ách đế quốc, dù là Pháp hay Nhật, trở thành nhiệm vụ cấp bách nhất và là mục tiêu chiến lược trước mắt của cách mạng Việt Nam.

Trên cơ sở thống nhất những nhận định và xác định nhiệm vụ chiến lược trong giai đoạn cách mạng mới, Hội nghị chủ trương tập trung mọi lực lượng của dân tộc vào nhiệm vụ chủ yếu là chống đế quốc và ách thống trị của phát xít thuộc địa, Đảng sẽ tiến hành thành lập Mặt trận thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương thay cho Mặt trận dân chủ không còn thích hợp nữa. Khẩu hiệu ruộng đất về tay dân cày lúc này tạm gác lại, chính sách đề ra là chỉ tịch thu ruộng đất của đế quốc và những địa chủ phản bội quyền lợi của dân tộc. Khẩu hiệu thành lập chính quyền Xô Viết công nông binh được thay thế bằng thành lập chính quyền dân chủ cộng hòa. Để phù hợp với tính chất cuộc đấu tranh cách mạng trong giai đoạn mới, phương pháp cách mạng cũng chuyển từ đấu tranh đòi quyền dân sinh dân chủ sang đấu tranh trực tiếp đánh đổ chính quyền của đế quốc và tay sai, từ hoạt động hợp pháp và nửa hợp pháp sang hoạt động bí mật và không hợp pháp, chuẩn bị điều kiện để tiến tới khởi nghĩa vũ trang.

Quyết định thay đổi chiến lược và thay đổi phương pháp cách mạng trong tình hình mới của Hội nghị Trung ương 6 là rất đúng đắn, sáng suốt, thể hiện tư duy chính trị nhạy bén, năng lực sáng tạo lớn của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, đứng đầu là đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ. Tính kịp thời và đúng đắn về chủ trương thay đổi chiến lược của Hội nghị Trung ương 6 (11/1939) đã được Trung ương Đảng khẳng định tại Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 7 (11/1940) và bổ sung, hoàn thiện tại Hội nghị Trung ương 8 (5/1941). Nhờ đó, phong trào cách mạng Việt Nam có bước phát triển mới mạnh mẽ, tiến tới giành thắng lợi vẻ vang trong cuộc Cách mạng Tháng Tám 1945.

2. Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ - Nhà lý luận xuất sắc của Đảng

Đồng chí Nguyễn Văn Cừ là người có khả năng lý luận sâu sắc và uyên bác. Dưới sự lãnh đạo của Đồng chí, các vấn đề lý luận và thực tiễn được giải quyết một cách sáng tạo, nhuần nhuyễn, phù hợp với quy luật vận động khách quan.

Sáng kiến thành lập Mặt trận dân chủ thống nhất Đông Dương đã cho thấy Đồng chí là người nắm vững chủ nghĩa Mác-Lênin và quan điểm chỉ đạo của Đại hội VII Quốc tế Cộng sản. Từ sự phân tích khoa học, Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ và Đảng ta

quyết định không áp dụng mô hình Mặt trận bình dân (kiểu Pháp), cũng không rập khuôn mô hình Mặt trận dân tộc phản đế (của Trung Quốc) mà thành lập Mặt trận dân chủ thống nhất. Chỉ có như vậy mới vừa đoàn kết được giai cấp công nhân, nông dân; vừa thu hút được trí thức và các lực lượng theo xu hướng cải cách dân chủ khác.

Để làm rõ và thống nhất trong toàn Đảng về quan điểm nêu trên, đồng chí Nguyễn Văn Cừ đã viết tác phẩm “Các quyền tự do dân chủ với nhân dân Đông Dương”. Trong tác phẩm này, Đồng chí đã đưa ra và giải thích những khái niệm và phạm trù mang tính lý luận như: “Thế nào gọi là tự do dân chủ”, “Tự do dân chủ với dân tộc”, “Tự do dân chủ với giai cấp tư sản”, “Tự do dân chủ với giai cấp vô sản”... Từ việc trả lời những câu hỏi đó, Đồng chí kết luận: “Xứ Đông Dương hàng thế kỷ ở dưới chế độ phong kiến, rồi kể đến chế độ thuộc địa áp bức. Chính sách thuộc địa câu kết với tàn tích phong kiến để thống trị xứ Đông Dương, nên chỉ dân xứ này chưa được hưởng cái mùi tự do dân chủ của hiện đại... Vậy nhân dân Đông Dương muốn có hưởng các quyền tự do ấy, lẽ tất nhiên phải trải qua tranh đấu”[1]. Đồng chí cũng chỉ ra hình thức đấu tranh: “Căn cứ theo những tình hình cụ thể đó, chúng ta có thể dùng phương pháp đấu tranh có tính chất hòa bình - là chính sách lập mặt trận dân chủ thống nhất Đông Dương để thực hiện những yêu cầu ấy”[2]. Tác phẩm “Các quyền tự do dân chủ với nhân dân Đông Dương” đã luận giải được những vấn đề lý luận cơ bản, trên cơ sở đó Đảng ta đưa ra những quyết sách chiến lược, sách lược trong phong trào cách mạng dân chủ.

Năm 1939, trước nguy cơ chủ nghĩa phát xít và Chiến tranh thế giới thứ hai đang đến gần, chính quyền thực dân Pháp ở Đông Dương lăm le trở mặt đàn áp phong trào cách mạng, những phần tử tởrốtkit giả danh cách mạng cũng ra sức chống phá Đảng; trên cương vị Tổng Bí thư, đồng chí Nguyễn Văn Cừ đã tiến hành một cuộc đấu tranh sâu rộng trên mặt trận lý luận. Bên cạnh việc vạch rõ chân tướng của bọn tởrốtkit với giọng điệu cách mạng đầu lưỡi của chúng, Đồng chí đã chỉ ra nguyên tắc liên hiệp giữa Đảng Cộng sản với các đảng khác phái: “Sự liên hệ phải có nguyên tắc, chứ không phải liên hiệp với cả bọn phản động, bọn khiêu khích tởrốtkit, tay chân phát xít”[3]; và đối với bọn này: “không thể có thỏa hiệp nào, nhượng bộ nào. Phải dùng mọi cách để lật mặt nạ chúng làm tay sai cho chủ nghĩa phát xít, phải tiêu diệt chúng về chính trị”[4].

Trên phương diện đấu tranh củng cố nội bộ, tháng 6/1939, với bút danh Trí Cường, Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ đã viết và cho in cuốn “Tự chỉ trích”, đóng góp quan trọng vào công tác xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng và tổ chức. Lần đầu tiên ở Việt Nam, một Tổng Bí thư của Đảng đã viết: “Những người cộng sản có bổn phận nói sự thật với quần chúng, dẫn đường cho quần chúng chớ không phải theo đuôi hay phình họ”[5]. Đồng chí nhấn mạnh, dù có sai lầm, có thất bại cũng “phải có can đảm mở to mắt ra nhìn sự thật”. Phê phán những khuynh hướng thiên tả hoặc thiên hữu của một số cán bộ, đảng viên, Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ

yêu cầu Đảng phải “Công khai, mạnh dạn, thành thực vạch những nhầm lẫn của mình mà tìm phương châm sửa đổi, chống những xu hướng hoạt đầu thỏa hiệp, như thế không phải làm yếu Đảng mà là làm cho Đảng được thống nhất, mạnh mẽ” [6].

Tác phẩm “Tự chỉ trích” thể hiện tính minh triết trong tư duy chính trị của một lãnh tụ trẻ tuổi có chiều sâu trong tư duy; phản ánh sự sáng suốt của một tài năng lỗi lạc, dấu ấn đặc biệt của một người cộng sản dù mới chỉ được học tập lý luận chủ yếu trong lao tù đế quốc, nhưng bằng những hoạt động thực tiễn của mình đã khái quát được những vấn đề lý luận cách mạng hết sức sâu sắc, mang tính thời đại và còn nguyên giá trị cho đến ngày nay. Đây cũng là sự đóng góp vô cùng to lớn của Đảng ta trong việc làm giàu hơn kho tàng lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin từ sự đúc kết thực tế của phong trào cách mạng Việt Nam.

3. Đồng chí Nguyễn Văn Cừ - Tấm gương sáng ngời về đạo đức cách mạng

Đồng chí Nguyễn Văn Cừ đã cống hiến trọn đời mình cho sự nghiệp cách mạng, cho lý tưởng cao đẹp của Đảng và Nhân dân ta. Toàn bộ cuộc đời hoạt động cách mạng của Đồng chí là một tấm gương mẫu mực về phẩm chất cao quý của người cộng sản.

Trước hết, phẩm chất cao quý ấy thể hiện ở tinh thần say sưa học tập, rèn luyện và vươn lên không ngừng. Từ lúc bắt đầu hoạt động cách mạng cho đến khi bị thực dân Pháp xử bắn, dù chưa được học ở trường lớp lý luận nào nhưng bằng niềm tin và nghị lực, Đồng chí đã trang bị cho mình những hiểu biết sâu rộng về khoa học chính trị và trở thành lãnh tụ cao nhất của Đảng.

Không quản ngại gian khổ, hiểm nguy, thông qua thực tiễn đấu tranh để rèn luyện, đồng chí Nguyễn Văn Cừ đã kết hợp nhuần nhuyễn giữa thực tế phong phú với lý luận khoa học, giải quyết đúng đắn những yêu cầu của cách mạng đề ra, nhất là trong những hoàn cảnh khẩn trương, phức tạp. Trong cuộc vận động dân chủ 1936-1939, Đảng ta gặp nhiều trở lực, khó khăn: kẻ thù luôn tìm cách đàn áp, bọn tởtkít khiêu khích, phá hoại, một số cán bộ, đảng viên của Đảng bộc lộ những khuynh hướng sai lầm “tả” khuynh, hữu khuynh trong chiến lược, sách lược, lệch lạc trong nhận thức... Nhưng dưới sự lãnh đạo của Đảng, Nhân dân ta đã đoàn kết, tạo nên một cao trào cách mạng sôi nổi với hàng triệu quần chúng tham gia; đặt tiền đề cho cách mạng Việt Nam bước vào giai đoạn phát triển mới - cao trào vận động giải phóng dân tộc. Thành công đó có công hiến to lớn về trí tuệ, tâm huyết của Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ.

Không chỉ là tấm gương sáng về tinh thần tự học tập, rèn luyện trong thực tiễn, đồng chí còn là hình ảnh tiêu biểu của người cán bộ cách mạng liên hệ, gần bó máu thịt với quần chúng. Bất kỳ ở đâu, sống giữa những người phu mỏ, hay bà con nông dân vùng miệt vườn Nam Bộ, khi đi “vô sản hóa”, khi mới là đảng viên, hay

lúc đã giữ cương vị Tổng Bí thư, đồng chí Nguyễn Văn Cừ luôn gương mẫu trong cuộc sống; gần gũi, tin tưởng ở quần chúng; có khả năng tập hợp, đoàn kết, động viên quần chúng tham gia cách mạng. Đồng chí cũng luôn nêu cao tinh thần bảo vệ Đảng, bảo vệ khối đoàn kết thống nhất trong Đảng, phát huy tự phê bình và phê bình để xây dựng Đảng vững mạnh, giữ vững vai trò tiên phong của Đảng, làm cho Đảng thống nhất về tư tưởng, tổ chức và hành động.

Trước kẻ thù và những phần tử phản động, Đồng chí luôn kiên quyết đấu tranh không khoan nhượng. Bị giặc bắt, qua nhiều trận đòn roi, tra tấn dã man của kẻ thù; mặc dù thể trạng không được khỏe, bệnh sốt rét biến chứng ngày càng nặng, nhưng Đồng chí vẫn tỏ rõ khí tiết, nêu cao tinh thần kiên trung. Hình ảnh Đồng chí hiên ngang, lẫm liệt bước ra pháp trường cùng với nhiều cán bộ lãnh đạo khác của Đảng đã trở thành tấm gương lớn về thái độ bất khuất trước kẻ thù và khí phách can trường của người cộng sản.

Khi được hỏi vì sao Trung ương bầu đồng chí Nguyễn Văn Cừ làm Tổng Bí thư khi Đồng chí chỉ vừa 26 tuổi, ít tuổi hơn nhiều so với các đồng chí khác, đồng chí Lê Duẩn trả lời: Bởi đồng chí Nguyễn Văn Cừ là một trí tuệ lỗi lạc của Đảng, rất sắc sảo và nhạy bén về chính trị, lại có khả năng đoàn kết, thuyết phục anh em, là một người cộng sản có phẩm chất đạo đức rất trong sáng, được mọi người kính phục[7].

Tuy tuổi đời và sự nghiệp ngắn ngủi nhưng đồng chí Nguyễn Văn Cừ đã để lại cho Đảng và dân tộc ta một tấm gương sáng ngời về đạo đức cách mạng; về lòng tin mãnh liệt ở lý tưởng cách mạng cao đẹp, tình thương yêu, quý mến giai cấp công nhân và Nhân dân lao động; sống giản dị, chan hòa cùng với Nhân dân, vì Nhân dân.

III. Học tập quan điểm tự phê bình và phê bình của đồng chí Nguyễn Văn Cừ trong tác phẩm “Tự chỉ trích”

Trong hơn 35 năm thực hiện công cuộc đổi mới, nước ta đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử, phát triển mạnh mẽ, toàn diện; đời sống nhân dân cả về vật chất và tinh thần được cải thiện rõ rệt. Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay. Bước vào giai đoạn phát triển mới, bên cạnh những thời cơ, thuận lợi, đất nước ta tiếp tục phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, bốn nguy cơ mà Đảng đã chỉ ra vẫn đang hiện hữu, có mặt còn gay gắt hơn; tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” còn diễn biến phức tạp.

Kỷ niệm 110 năm Ngày sinh Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ trong bối cảnh toàn Đảng đang nỗ lực thực hiện tốt các Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI, XII và Kết luận số 21-KL/TW của Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ tư khóa XIII về xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị, kiên quyết ngăn chặn, đẩy

lùi, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”; gắn với thực hiện Kết luận số 01-KL/TW ngày 18/5/2021 của Bộ Chính trị khóa XIII về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị khóa XII về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Đây là dịp để chúng ta học tập tấm gương đạo đức cách mạng sáng ngời của đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ, đó là, không ngừng nâng cao đạo đức cách mạng, luôn có niềm tin mãnh liệt vào lý tưởng cách mạng cao đẹp, yêu thương, gần gũi, hòa mình với giai cấp công nhân và nhân dân lao động; không quản ngại gian khổ, hiểm nguy, nỗ lực học tập, rèn luyện, nêu cao tinh thần bảo vệ Đảng, bảo vệ khối đoàn kết, thống nhất trong Đảng, phát huy vai trò tiên phong của Đảng.

Thành kính và tri ân công lao, đóng góp của đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ đối với sự nghiệp cách mạng Việt Nam; mỗi cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên cần tiếp tục học tập, vận dụng tinh thần, tư tưởng tự phê bình và phê bình nêu trong tác phẩm “Tự chỉ trích” góp phần xây dựng, chỉnh đốn Đảng toàn diện về chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, tổ chức và cán bộ. Đó là:

“Chúng ta phải biết nhìn nhận những khuyết điểm về chủ quan mà chính chúng ta gây ra, chúng ta phải hoàn toàn chịu trách nhiệm”.

“...Không phải đặt cá nhân mình lên trên Đảng, đem ý kiến riêng - dù cho đúng - đối chọi với Đảng, vịn vào một vài khuyết điểm mà mạt sát Đảng, phá hoại ảnh hưởng của Đảng, gieo mối hoài nghi, lộn xộn trong quần chúng, gây mầm phải chia rẽ trong hàng ngũ Đảng”.

“Phải cần làm cho các đảng viên giác ngộ, rõ ràng và đầy đủ trách nhiệm của mình, biết xoay phương hướng trong những hoàn cảnh khó khăn, nghiêm trọng, biết tự chỉ trích đúng và kịp thời những khuyết điểm, sai lầm...”.

“Thống nhất tư tưởng, thống nhất hành động”.

BAN TUYÊN GIÁO TRUNG ƯƠNG

TÀI LIỆU TUYÊN TRUYỀN VỀ
TÌNH HÌNH VÀ KẾT QUẢ QUAN HỆ VIỆT NAM - CAMPUCHIA
(Giai đoạn 2017-2022)

Trong giai đoạn 2017-2022, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của hai Đảng, hai Nhà nước, các cấp, ngành, địa phương và doanh nghiệp hai bên đã chủ động phối hợp và tích cực triển khai thực hiện các Hiệp định, Thỏa thuận hợp tác giữa hai Chính phủ và chương trình hợp tác giữa các bộ, ngành, địa phương đã đạt những kết quả nhất định, góp phần quan trọng vào việc giữ vững ổn định chính trị, phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh ở mỗi nước; tiếp tục củng cố và tăng cường quan hệ láng giềng tốt đẹp, hữu nghị truyền thống, hợp tác toàn diện, bền vững lâu dài Việt Nam - Campuchia, đồng thời góp phần nâng cao vị thế của hai Đảng, hai nước, đóng góp tích cực cho hòa bình, ổn định, hợp tác và phát triển ở khu vực và trên thế giới. Kết quả cụ thể như sau:

1. Quan hệ chính trị tiếp tục được duy trì, giữ vai trò nòng cốt, định hướng trong quan hệ hai nước

Hai bên tiếp tục khẳng định quan hệ Việt Nam - Campuchia đang phát triển ngày càng sâu rộng, thiết thực và hiệu quả trên các lĩnh vực, trở thành tài sản chung quý báu của hai dân tộc và là nhân tố quan trọng bảo đảm thắng lợi sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của mỗi nước và quyết tâm giữ gìn, không ngừng phát huy và truyền tiếp cho các thế hệ mai sau tình đoàn kết hữu nghị truyền thống và sự hợp tác toàn diện Việt Nam - Campuchia.

Hai bên tiếp duy trì và phát huy hiệu quả các cơ chế hợp tác giữa hai nước; tăng cường trao đổi các chuyến thăm, các cuộc gặp gỡ, tiếp xúc giữa lãnh đạo cấp cao và các cấp, trong đó có các chuyến thăm của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng; Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc; Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Thị Kim Ngân và đón Chủ tịch CPP, Thủ tướng Hun Sen; Chủ tịch Thượng viện; Chủ tịch Quốc hội Heng Samrin và các chuyến thăm của Lãnh đạo cấp cao hai Đảng, hai nước. Trong chuyến thăm cấp nhà nước Campuchia của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng vào năm 2017 và năm 2019 và các chuyến thăm của Lãnh đạo cấp cao hai nước, hai bên đã ra Tuyên bố chung, trong đó khẳng định tiếp tục củng cố và tăng cường mối quan hệ láng giềng tốt đẹp, hữu nghị truyền thống, hợp tác toàn diện, bền vững lâu dài Việt Nam - Campuchia; nhấn mạnh tiếp tục thực hiện đầy đủ các

nguyên tắc đã được nêu trong Tuyên bố chung Việt Nam - Campuchia các năm 1999, năm 2005, năm 2009, năm 2011, năm 2014, tháng 6/2016 và tháng 12/2016; tái khẳng định tôn trọng và thực hiện đầy đủ các hiệp ước hoạch định biên giới và các hiệp định, thỏa thuận liên quan đến biên giới đã ký kết giữa hai nước.

Năm 2020 đến nay, trong bối cảnh dịch bệnh COVID-19 diễn biến phức tạp, hai bên không thực hiện được các chuyến thăm trao đổi đoàn cấp cao trực tiếp song vẫn duy trì quan hệ chính trị thông qua các kênh tiếp xúc như các cuộc điện đàm, hội đàm trực tuyến phù hợp với tình hình thực tế. Trong đó có các cuộc điện đàm giữa Chủ tịch CPP, Thủ tướng Hun Sen và Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng, Chủ tịch nước Nguyễn Xuân Phúc, Thủ tướng Phạm Minh Chính, Chủ tịch Quốc hội Vương Đình Huệ... Hai bên đã tổ chức thành công Hội nghị hợp tác và phát triển các tỉnh biên giới lần thứ 11 và Kỳ họp lần thứ 19 ủy ban hỗn hợp Việt Nam-Campuchia về hợp tác Kinh tế, Văn hóa, Khoa học và Kỹ thuật. Lãnh đạo cấp cao hai Đảng, Chính phủ và các Bộ, ban, ngành cũng gửi thư thăm hỏi và chia sẻ về tình hình dịch bệnh Covid -19 ở cả hai nước. Hai bên ủng hộ lẫn nhau trang thiết bị, vật tư y tế để phòng, chống dịch bệnh Covid -19.

Nhân dịp kỷ niệm “40 năm con đường cứu nước của Thủ tướng Hun Sen” và “50 năm Ngày thiết lập quan hệ ngoại giao Việt Nam - Campuchia (1967 - 2017)”, Thủ tướng Hun Sen đã sang thăm Việt Nam. Tại các cuộc gặp Thủ tướng Hun Sen đã bày tỏ lòng biết ơn vì sự hy sinh mà Việt Nam đã dành cho Campuchia và mong muốn “mối quan hệ đoàn kết, hữu nghị Việt Nam - Campuchia mãi mãi xanh tươi, đời đời bền vững”. Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc khẳng định; “Vận mệnh của hai dân tộc là không thể tách rời nhau, đó là một chân lý từ thực tiễn lịch sử của hai nước”.

Hai bên cũng đã ký kết nhiều văn kiện hợp tác quan trọng giữa hai Chính phủ, giữa các Bộ, ban, ngành, tạo hành lang pháp lý thuận lợi thúc đẩy quan hệ hợp tác, góp phần tháo gỡ những khó khăn vướng mắc trong việc triển khai các thỏa thuận.

Hai bên đã phối hợp tổ chức tốt các ngày lễ quan trọng của hai Đảng, hai nước như: Kỷ niệm ngày Chiến thắng chiến tranh bảo vệ biên giới Tây Nam và cùng quân dân Campuchia chiến thắng chế độ Khmer Đỏ diệt chủng; kỷ niệm về sự kiện “ Con đường đánh đổ chế độ diệt chủng” của Thủ tướng Hun Sen; tuyên truyền về quan hệ Việt Nam - Campuchia nhân các ngày lễ quan trọng của hai Đảng, hai nước; Ban Chấp hành Trung ương, Lãnh đạo cấp cao hai Đảng, hai nước gửi điện mừng, điện thăm hỏi lẫn nhau nhân ngày thành lập Đảng, Tết cổ truyền,

Quốc khánh.

Hai bên đang tích cực chuẩn bị cho việc phối hợp tổ chức các hoạt động thiết thực, có ý nghĩa nhân dịp kỷ niệm 55 năm thiết lập quan hệ ngoại giao (24/6/1967 - 24/6/2022), góp phần tăng cường tuyên truyền tới nhân dân, nhất là thế hệ trẻ hai nước cùng trân trọng và giữ gìn quan hệ tốt đẹp giữa hai dân tộc.

2. Về hợp tác quốc phòng, an ninh và đối ngoại tiếp tục được thúc đẩy, ngày càng chặt chẽ và có hiệu quả là trụ cột trong quan hệ giữa hai nước

Hai bên đã phối hợp chặt chẽ giữ vững ổn định chính trị, đảm bảo quốc phòng, an ninh ở mỗi nước; thực hiện tốt Nghị định thư về quốc phòng và Kế hoạch hợp tác hàng năm về quốc phòng, an ninh giữa hai Bộ Quốc phòng, giữa Bộ Công an Việt Nam với Bộ nội vụ Campuchia. Hai bên hợp tác xây dựng tuyến biên giới ổn định và phát triển bền vững; khẳng định nguyên tắc không cho phép bất cứ lực lượng nào dùng lãnh thổ của nước này để chống phá nước kia; phối hợp trao đổi đoàn các cấp; tăng cường chia sẻ kinh nghiệm chuyên môn, nghiệp vụ; tổ chức diễn tập cứu hộ cứu nạn ở khu vực biên giới; duy trì tuần tra chung trên biển, trên bộ; kịp thời phối hợp ngăn chặn và đấu tranh có hiệu quả các hoạt động chống phá của thế lực thù địch; phối hợp ngăn chặn các loại tội phạm xuyên quốc gia nhất là buôn bán ma túy; hợp tác chặt chẽ trong công tác tìm kiếm, cất bốc và hồi hương hài cốt liệt sỹ quân tình nguyện, chuyên gia Việt Nam hy sinh trong các thời kỳ chiến tranh tại Campuchia; phối hợp trùng tu 23/25 Đài hữu nghị Việt Nam- Campuchia tại các tỉnh/thành của Campuchia.

Hai bên tăng cường phối hợp trong các hoạt động đối ngoại quốc phòng, an ninh và ngoại giao tại các diễn đàn quốc tế và khu vực; thường xuyên thực hiện tham vấn chính trị, chia sẻ thông tin kịp thời và phối hợp chặt chẽ, hiệu quả, ủng hộ lẫn nhau tại các diễn đàn quốc tế và khu vực, nhất là trong khuôn khổ hợp tác của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN), Liên hợp quốc và các cơ chế hợp tác Tiểu vùng Mê Công, góp phần giữ vững hòa bình, ổn định và hợp tác phát triển ở khu vực và trên thế giới.

Về biên giới, hai nước đã hoàn thành phân giới cắm mốc khoảng 84% biên giới trên đất liền (1.045 km) với 2.048 cột mốc biên giới được cắm tại 1.554 vị trí, đồng thời ký 02 văn kiện pháp lý ngày 5/10/2018 ghi nhận thành quả phân giới

cắm mốc đã đạt được¹ ghi nhận 84% thành quả phân giới, cắm mốc, do đó trên toàn tuyến chỉ còn khoảng 213km chưa phân giới. Ngày 22/12/2020 hai nước đã phối hợp tổ chức Lễ trao đổi văn kiện phê chuẩn theo hình thức trực tuyến để hai văn kiện pháp lý về biên giới chính thức có hiệu lực. Việc ký kết hai văn kiện pháp lý này có ý nghĩa to lớn, đặt nền tảng để hai bên duy trì ổn định, thúc đẩy phát triển kinh tế khu vực biên giới.

3. Về hợp tác kinh tế, văn hóa, giáo dục khoa học - kỹ thuật có bước phát triển tích cực

Hai bên đã chủ động, tích cực, phối hợp triển khai các Hiệp định giữa hai Chính phủ và Thỏa thuận tại Kỳ họp ủy ban Hỗn hợp Việt Nam - Campuchia; tăng cường công tác hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc, kịp thời trao đổi tháo gỡ khó khăn, vướng mắc để thúc đẩy hợp tác.

Về hợp tác đầu tư, hiện Việt Nam có 188 dự án đầu tư sang Campuchia còn hiệu lực, với tổng số vốn đầu tư đăng ký khoảng 2,846 tỷ USD, đứng thứ 2 trong tổng số 78 quốc gia, vùng lãnh thổ mà Việt Nam có đầu tư ra nước ngoài. Hoạt động đầu tư của Việt Nam tại Campuchia đã có mặt ở 18/25 tỉnh/thành và hầu hết các lĩnh vực quan trọng như: lĩnh vực nông nghiệp (vốn đăng ký là 2,07 tỉ USD), viễn thông, ngân hàng, dịch vụ tài chính (vốn đăng ký là 369 triệu USD), công nghiệp chế biến chế tạo (vốn đăng ký 84,3 triệu USD), khai khoáng (vốn đăng ký là 58,5 triệu USD), hàng không, du lịch. Hiện có nhiều doanh nghiệp Việt Nam đang nỗ lực vượt qua mọi khó khăn, vươn lên đầu tư, làm ăn hiệu quả tại Campuchia như: Tập đoàn Viễn thông Viettel, Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam (VRG), Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) Liên doanh Vinamilk khánh thành Nhà máy sữa Angkor... Các doanh nghiệp không chỉ đầu tư, kinh doanh hiệu quả, thực hiện nghiêm túc nghĩa vụ đóng thuế mà còn góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống, đóng góp tích cực vào an sinh xã hội, tăng thu ngân sách, thúc đẩy phát triển hạ tầng và tạo việc làm cho hàng vạn lao động Campuchia. Sự thúc đẩy hợp tác song phương về kinh tế đã trở thành chất kết dính tình đoàn kết và hữu nghị của hai dân tộc Việt Nam và Campuchia ngày càng bền chặt.

Hiện nay, Campuchia có 21 dự án đầu tư vào Việt Nam với tổng vốn đăng ký

¹ Hiệp ước bổ sung Hiệp ước hoạch định biên giới năm 1985 và Hiệp ước bổ sung năm 2022 giữa Chính phủ nước Cộng hòa XHCN Việt Nam và Vương quốc Campuchia; (ii) Nghị định thu PGCM biên giới trên đất liền giữa Cộng hòa XHCN Việt Nam và Vương quốc Campuchia, ghi nhận thành quả 84% công tác PGCM.

64 triệu USD, đứng thứ 54 trong 132 quốc gia và vùng lãnh thổ đầu tư vào Việt Nam.

Về thương mại, tổng kim ngạch thương mại hai chiều Việt Nam - Campuchia tiếp tục giữ được đà tăng trưởng tích cực, năm 2021 đạt 9,3 tỷ USD; tăng 84% so với cùng kỳ năm 2020, trong đó Việt Nam xuất sang Campuchia đạt 4,7 tỉ USD, nhập khẩu từ Campuchia đạt 4,6 tỉ USD. Tuy nhiên, điểm đáng chú ý là Campuchia vẫn giữ vững vị trí thị trường xuất khẩu lớn thứ 2 của Việt Nam trong khu vực ASEAN (sau Thái Lan).

Hai bên đã ký Bản Thỏa thuận thúc đẩy thương mại song phương Việt Nam - Campuchia giai đoạn 2019 - 2020; Biên bản ghi nhớ về phát triển và kết nối hạ tầng thương mại biên giới Việt Nam - Campuchia; Biên bản ghi nhớ về hợp tác trong lĩnh vực Xúc tiến thương mại, Chợ kiểu mẫu biên giới tại xã Đa, huyện Memot, tỉnh Tbong Khmum, Campuchia được khánh thành và bàn giao vào ngày 24/12/2019. Hai bên đã nhất trí về các nội dung Hiệp định Thương mại biên giới Việt Nam - Campuchia. Thời gian qua, Việt Nam và Campuchia cũng dành những ưu đãi về thuế xuất - nhập khẩu cho các loại hàng hóa của doanh nghiệp hai bên².

Hoạt động hợp tác thương mại giữa Việt Nam và Campuchia được xúc tiến tích cực bằng nhiều hoạt động của diễn đàn doanh nghiệp, hội chợ triển lãm hàng không Việt Nam tại Campuchia, mở khu kinh tế cửa khẩu; xây dựng hành lang pháp lý, kết cấu hạ tầng phục vụ thương mại ngày càng gia tăng giữa hai bên.

Hợp tác về năng lượng, hiện Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) đã bán điện cho Campuchia qua đường dây 220kV Châu Đốc - Tà Keo trong năm 2018 là 0,73 tỷ kWh và năm 2019 là 1,31 tỷ kWh; qua cáp điện áp 35kWh, 22kV (lưới điện trung áp qua 17 cửa khẩu biên giới) trong năm 2018 đạt 358 triệu kWh và đến hết năm 2019 là 466 triệu kWh. Năm 2021, sản lượng điện bán cho Campuchia khoảng 923 triệu kWh. Hai bên đã ký kết Biên bản ghi nhớ về hợp tác trong lĩnh vực điện với Bộ Mỏ và Năng lượng Campuchia, trong đó Việt Nam nâng công suất bán điện thêm 50MW cho Campuchia qua cáp điện áp 220kV.

Hợp tác giao thông vận tải, hiện hai bên tích cực thúc đẩy kết nối giao thông

² Việt Nam hưởng thuế xuất nhập khẩu 0% áp dụng đối với 26 mặt hàng khi nhập khẩu vào thị trường Campuchia. Đây là những ưu đãi đặc biệt mà Campuchia chỉ dành cho Việt Nam. Ngược lại, Việt Nam cũng dành ưu đãi đặc biệt thuế suất nhập khẩu 0% cho 32 mặt hàng của Campuchia, phần lớn là nông sản. Điều này giúp các doanh nghiệp xuất khẩu của Việt Nam có nguồn nguyên liệu để thực hiện các hợp đồng xuất khẩu sang các nước khác.

giữa hai nước. Hai bên đã ký Biên bản ghi nhớ về Chiến lược hợp tác giao thông vận tải giai đoạn 2018 - 2025, tầm nhìn 2030; Hiệp định vận tải đường bộ giữa Chính phủ hai nước; Hiệp định vận tải thủy Việt Nam - Campuchia; mở đường bay từ Phnôm Pênh, Sihanouville, Siêm Riệp đến Hà Nội, Đà Nẵng, TPHCM; Thỏa thuận về địa điểm nối ray đường sắt giữa TPHCM đến Phnôm Pênh.

Về nông nghiệp, hiện nay, Việt Nam đang hỗ trợ Campuchia đào tạo nguồn nhân lực, chuyển giao các tiến bộ khoa học kỹ thuật trong trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản. Hai bên phối hợp chặt chẽ trong công tác kiểm dịch động thực vật, bảo vệ rừng, chống khai thác, vận chuyển buôn bán gỗ, động vật hoang dã trái phép qua khu vực biên giới hai nước, góp phần quản lý rừng bền vững và bảo tồn đa dạng sinh học. Về thủy sản, hai bên thường xuyên trao đổi nhằm ngăn chặn, giải quyết tình hình tàu cá của hai nước vi phạm vùng biển của nhau; tăng cường hợp tác về: Quản lý tàu cá và giám sát tàu cá; nuôi trồng và bảo vệ nguồn lợi thủy sản; kiểm soát chất lượng sản phẩm thủy sản.

Về hợp tác trồng cây cao su tại Campuchia, hiện Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam, Công ty cổ phần Hoàng Anh Gia Lai, một số doanh nghiệp Quân đội và doanh nghiệp tư nhân Việt Nam đã và đang triển khai các dự án trồng cây cao su tại Campuchia. Trong đó, Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam đã thành lập 16 công ty con thực hiện 20 dự án trên địa bàn 7 tỉnh của Campuchia, diện tích cao su đang khai thác đạt 87.892 ha (trong tổng số đã đăng ký là 120.291 ha). Hiện tại, Tập đoàn đã đầu tư 03 nhà máy chế biến với tổng công suất là 41.000 tấn/năm (tại tỉnh Kampong Thom, Rattanakiri).

Về hợp tác giáo dục, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực: là lĩnh vực được hai bên quan tâm, hàng năm ta dành cho Campuchia hàng trăm suất học bổng đào tạo dài hạn và ngắn hạn và Campuchia dành cho ta 35 suất học bổng. Ngoài ra, hai bên đang tăng cường hợp tác trong lĩnh vực dạy nghề thông qua việc tổ chức các hoạt động phát triển nguồn nhân lực. Hiện ta đang triển khai Dự án thành lập Trung tâm Việt Nam học tại Đại học Hoàng gia Phnôm Pênh.

4. Quan hệ hợp tác, giúp đỡ lẫn nhau giữa các ban, bộ, ngành, cơ quan của Quốc hội, Mặt trận, các đoàn thể, địa phương tiếp tục được đẩy mạnh và đi vào thực chất hơn

Hai bên trao đổi các đoàn, trao đổi kinh nghiệm, giúp đỡ, hỗ trợ lẫn nhau, đặc biệt là các địa phương có chung đường biên giới, tiếp tục mở rộng xây dựng kết cấu hạ tầng, chăm sóc y tế, đào tạo phát triển nguồn nhân lực, bảo đảm an ninh,

trật tự, an toàn tại các khu vực biên giới hai nước.

Hoạt động đối ngoại nhân dân được quan tâm thúc đẩy, hai bên đã tổ chức nhiều hoạt động trao đổi đoàn, trao đổi kinh nghiệm, giao lưu văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, góp phần tăng cường hiểu biết lẫn nhau giữa nhân dân hai nước, đặc biệt là các tỉnh có chung đường biên giới, thúc đẩy quan hệ hai nước ngày càng phát triển đi vào chiều sâu, thiết thực và hiệu quả./.

**TÀI LIỆU TUYÊN TRUYỀN VỀ
TÌNH HÌNH VÀ QUAN HỆ HỢP TÁC VIỆT NAM - LÀO
GIAI ĐOẠN 2017-2022**

Trong giai đoạn 2017-2022, dưới sự chỉ đạo của hai Đảng, hai Nhà nước, các ban của Đảng, bộ, ngành của Chính phủ, các cơ quan của Quốc hội, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị, địa phương, doanh nghiệp hai nước đã chủ động phối hợp và tích cực triển khai thực hiện có hiệu quả các thỏa thuận, hiệp định, kế hoạch, chương trình hợp tác giữa hai bên và đạt được những kết quả thiết thực trên tất cả các lĩnh vực, góp phần quan trọng vào việc giữ vững ổn định chính trị, phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh ở mỗi nước; tiếp tục củng cố và tăng cường quan hệ hữu nghị vĩ đại, đoàn kết đặc biệt, hợp tác toàn diện Việt Nam - Lào, đồng thời nâng cao vị thế, uy tín của hai Đảng, hai nước trên trường quốc tế, đóng góp tích cực cho hòa bình, ổn định, hợp tác và phát triển của khu vực và thế giới. Kết quả cụ thể như sau:

1. Quan hệ chính trị tiếp tục được tăng cường và ngày càng đi vào chiều sâu, giữ vai trò nòng cốt, định hướng tổng thể trong quan hệ hai nước.

Hai bên luôn khẳng định quan hệ hữu nghị vĩ đại, đoàn kết đặc biệt và hợp tác toàn diện Việt Nam - Lào là mẫu mực, thủy chung, trong sáng hiếm có, là quy luật phát triển, nhân tố quyết định thắng lợi của cách mạng mỗi nước, là tài sản chung vô giá của hai Đảng, hai dân tộc, cần được giữ gìn, bảo vệ, vun đắp và truyền tiếp cho các thế hệ mai sau.

Hai bên đã phát huy những cơ chế hợp tác sẵn có, đồng thời triển khai những cơ chế hợp tác mới; phối hợp chặt chẽ trong các vấn đề chiến lược; thường xuyên trao đổi các đoàn cấp cao và các cấp dưới nhiều hình thức, góp phần làm sâu sắc hơn mối quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào, nổi bật có các chuyến thăm Lào của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Quốc hội Việt Nam và các chuyến thăm Việt Nam của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Quốc hội Lào. Bên cạnh đó, chuyến thăm của các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng của hai bên...; ký kết nhiều văn kiện hợp tác quan trọng giữa hai Đảng, hai Chính phủ, tạo hành lang pháp lý thuận lợi thúc đẩy quan hệ hợp tác; tập trung triển khai thực hiện tốt các thỏa thuận và Tuyên bố chung được ký kết giữa lãnh đạo cấp cao hai Đảng, hai Nhà nước, góp phần kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong việc thực hiện các thỏa thuận.

Các ban của Đảng, bộ, ngành của Chính phủ, các cơ quan của Quốc hội, Mặt trận, đoàn thể và địa phương hai nước đều ký kết và tích cực triển khai các thỏa

thuận, chương trình hợp tác song phương và thường xuyên có các chuyến thăm lẫn nhau; chia sẻ kinh nghiệm về công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị, quản lý nhà nước, phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế cũng như các lĩnh vực chuyên môn khác mà hai bên cùng quan tâm. Đặc biệt, liên quan đến các vấn đề lý luận, thực tiễn và chia sẻ kinh nghiệm về công cuộc đổi mới phát triển đất nước, từ năm 2017 đến nay, hai bên đã phối hợp tổ chức 5 cuộc hội thảo lý luận với các chủ đề: *Hội nhập quốc tế; Kinh nghiệm của Việt Nam, kinh nghiệm của Lào; Phát triển nhanh, bền vững; Công tác tư tưởng trong điều kiện hiện nay; Thực trạng, vấn đề đặt ra và giải pháp; Công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong tình hình mới; Những vấn đề lý luận - thực tiễn mới trong văn kiện Đại hội XIII Đảng Cộng sản Việt Nam và Đại hội XI Đảng Nhân dân Cách mạng Lào...*

Trong 5 năm qua, hai bên đã phối hợp tổ chức nhiều sự kiện quan trọng trong quan hệ hai Đảng, hai Nhà nước với nhiều hoạt động phong phú, sâu rộng, có ý nghĩa thiết thực, có sức lan tỏa rộng khắp đến các tầng lớp nhân dân và các bộ, ban, ngành, địa phương; đặc biệt là việc tổ chức thành công các hoạt động kỷ niệm 55 năm Ngày thiết lập quan hệ ngoại giao và 40 năm Ngày ký kết Hiệp ước hữu nghị và hợp tác Việt Nam - Lào (năm 2017). Nhân các ngày lễ quan trọng, lãnh đạo cấp cao của hai Đảng, hai Nhà nước đều gửi thư, điện chúc mừng, thăm hỏi lẫn nhau.

Hai bên luôn phối hợp tuyên truyền sâu rộng về mối quan hệ đoàn kết đặc biệt Việt Nam - Lào, nhất là trong thế hệ trẻ, nhân các sự kiện trọng đại trong quan hệ giữa hai nước; triển khai xây dựng một số công trình và tôn tạo các di tích lịch sử về quan hệ Việt Nam - Lào ở mỗi nước.

Hoàn thành Công trình Nhà Quốc hội Lào, Tượng đài Tình đoàn kết liên minh chiến đấu Lào - Việt Nam tại tỉnh Xaisomboun; khánh thành Khu di tích lịch sử cách mạng Chủ tịch Cay-xôn Phôm-vi-hản tại khu di tích Lao Khô thuộc tỉnh Sơn La (năm 2017); Dự án biên dịch các bộ sách kinh điển Mác - Ăng-ghe-n, Lê-nin và Hồ Chí Minh Toàn tập sang tiếng Lào và bộ phim tài liệu Chủ tịch Cay-xôn Phôm-vi-hản, Chủ tịch Xu-pha-nu-vông; tặng thưởng huân chương, huy chương cho các tập thể và cá nhân có thành tích xuất sắc trong việc góp phần thúc đẩy và tăng cường quan hệ đoàn kết đặc biệt Việt Nam - Lào.

Về phối hợp phòng, chống dịch Covid-19: Hai bên đã thể hiện sự chia sẻ, giúp đỡ nhau trong năm 2021: Đảng, Nhà nước Việt Nam đã hai lần hỗ trợ Đảng, Nhà nước Lào ứng phó với dịch Covid-19 số tiền mặt 2.650.000 USD cùng trang thiết bị y tế trị giá hơn 2 triệu USD; tặng Bạn Lào 1 triệu liều vắc-xin; cử các đoàn chuyên gia y tế và quân y sang hỗ trợ Lào chống dịch được Bạn đánh giá cao. Đảng, Nhà nước Lào và các doanh nghiệp của Lào đã hỗ trợ Việt Nam 1,7 triệu USD (trong đó doanh nghiệp là 1,4 triệu USD). Hai bên phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ,

tạo điều kiện cho người dân hai nước, lưu học sinh xuất nhập cảnh, cách ly, sinh sống và học tập bình thường.

Trong năm 2021 và những tháng đầu năm 2022, dù bối cảnh dịch bệnh COVID-19 còn diễn biến phức tạp, nhưng hai bên đã phối hợp tổ chức thành công Đại hội đại biểu toàn quốc của mỗi Đảng và bầu cử đại biểu Quốc hội ở mỗi nước trong năm 2021; duy trì các chuyến thăm, các cuộc điện đàm và tiếp xúc cấp cao bằng nhiều hình thức linh hoạt, nổi bật là chuyến thăm hữu nghị chính thức Việt Nam của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Lào Thoong-lun Xi-xu-lít (tháng 6/2021), Chủ tịch Quốc hội Lào Xay-xôm-phon Phôm-vi-han thăm chính thức Việt Nam (tháng 12/2021), Thủ tướng Chính phủ Lào Phăn-khăm Vĩ-pha-văn thăm chính thức Việt Nam và khai mạc Năm Đoàn kết hữu nghị Việt Nam - Lào (tháng 01/2022), Chủ tịch nước Nguyễn Xuân Phúc thăm hữu nghị chính thức Lào (tháng 8/2021), Chủ tịch Quốc hội Vương Đình Huệ thăm chính thức Lào (tháng 5/2022) đã tiếp tục khẳng định tình đoàn kết, gắn bó, tin cậy, thủy chung, trong sáng, trước sau như một giữa hai Đảng, hai Nhà nước và Nhân dân hai nước; thể hiện chính sách đối ngoại nhất quán của cả hai nước là đặc biệt coi trọng và dành ưu tiên cao nhất cho việc giữ gìn, không ngừng củng cố và phát triển quan hệ hữu nghị vĩ đại, đoàn kết đặc biệt và hợp tác toàn diện Việt Nam - Lào. Hai bên cũng duy trì các cơ chế hợp tác song phương quan trọng, trong đó có các Kỳ họp của Ủy ban liên Chính phủ Việt Nam - Lào. Hai nước đã phối hợp với Campuchia tổ chức thành công cuộc gặp giữa ba đồng chí đứng đầu ba Đảng Việt Nam - Lào - Campuchia (tháng 9/2021), đây là cuộc gặp lịch sử có ý nghĩa quan trọng đối với quan hệ ba Đảng, ba nước kể từ năm 1990 đến nay.

Về đối ngoại, hai bên thiết lập và triển khai thực hiện có hiệu quả các cơ chế tham vấn thường niên cấp Trưởng Ban Đối ngoại Trung ương và Bộ trưởng Bộ Ngoại giao; tăng cường trao đổi thông tin về tình hình thế giới và khu vực mà hai bên cùng quan tâm; phối hợp chặt chẽ, hiệu quả trong các hoạt động tại các diễn đàn đa phương, như: Liên hợp quốc, Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN), Diễn đàn hợp tác Á - Âu (ASEM), Khu vực Tam giác phát triển Campuchia - Lào - Việt Nam (CLV), Hợp tác Campuchia - Lào - Myanmar - Việt Nam (CLMV), Tổ chức Chiến lược hợp tác kinh tế Ayeyarwady - Chao Phraya - Mekong (ACMECS) và các cơ chế hợp tác Tiểu vùng Mekong, góp phần nâng cao uy tín và vị thế của mỗi nước.

2. Hợp tác quốc phòng - an ninh tiếp tục được coi là trụ cột trong quan hệ giữa hai nước

Hai bên luôn phối hợp chặt chẽ và hỗ trợ lẫn nhau nhằm bảo đảm ổn định chính trị, an ninh và trật tự, an toàn xã hội ở mỗi nước; thực hiện tốt Nghị định thư hợp tác 05 năm và Kế hoạch hợp tác giữa Bộ Quốc phòng và Bộ Công an hai nước. Hai bên đã hoàn thành Dự án tăng dày và tôn tạo hệ thống mốc quốc giới Việt Nam - Lào²; ký 02 văn kiện pháp lý quan trọng năm 2016 là “*Nghị định thư về đường biên giới và mốc giới Việt Nam - Lào*” và “*Hiệp định về quy chế quản lý biên giới và cửa khẩu biên giới trên đất liền Việt Nam - Lào*”; nâng cấp một số cửa khẩu chính lên cửa khẩu quốc tế³; duy trì cơ chế Cuộc họp thường niên giữa hai Trưởng đoàn đại biểu biên giới Việt Nam - Lào; cơ bản hoàn thành Thỏa thuận cấp cao Chính phủ về giải quyết vấn đề người di cư tự do và kết hôn không giá thú trong khu vực biên giới hai nước⁴.

Hai bên tiếp tục duy trì trao đổi thông tin, hợp tác chặt chẽ nhằm bảo đảm an ninh, xây dựng tuyến biên giới Việt Nam - Lào ổn định, phát triển toàn diện; tổ chức giao lưu hữu nghị quốc phòng biên giới lần thứ nhất; khẳng định nguyên tắc không cho phép bất kỳ lực lượng nào dùng lãnh thổ của nước này để chống nước kia; tăng cường tổ chức tuần tra chung, tìm kiếm cứu nạn, kiểm tra giám sát tại các cửa khẩu; trao đổi kinh nghiệm trong công tác xây dựng lực lượng quân đội hai nước; phòng, chống tội phạm xuyên quốc gia; ngăn chặn và xử lý khai thác tài nguyên thiên nhiên trái phép, buôn lậu, vận chuyển ma túy và những vấn đề tiêu cực khác nảy sinh tại khu vực biên giới hai nước. Hai bên cũng phối hợp chặt chẽ trong công tác phòng, chống dịch bệnh COVID-19; tiếp tục củng cố và phát huy vai trò của các cụm, bản; phối hợp, tu bổ các tượng đài biểu tượng của tình đoàn kết hữu nghị và liên minh chiến đấu Việt Nam - Lào tại Lào; phối hợp tìm kiếm và quy tập hài cốt chiến sĩ, quân tình nguyện Việt Nam hy sinh tại Lào⁵.

3. Hợp tác kinh tế, văn hóa, y tế và khoa học - kỹ thuật đã có chuyển biến tích cực.

Việt Nam và Lào tích cực triển khai các hiệp định giữa hai Chính phủ và thỏa thuận tại các kỳ họp của Ủy ban liên Chính phủ; tích cực triển khai Thỏa thuận về Chiến lược hợp tác kinh tế, văn hóa, giáo dục, khoa học - kỹ thuật Việt Nam - Lào; tăng cường công tác hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc, chủ động tháo gỡ

⁽²⁾ Hai bên đã tôn tạo, cắm mới 905 vị trí, tương đương 1.002 cột mốc và cột dấu, trong đó cắm bổ sung 168 cọc dấu; đã xác định tổng chiều dài đường biên giới Việt Nam - Lào là 2.337,45 km.

⁽³⁾ Cửa khẩu Đắc-ta-ọc (Xê-công) - Nam Giang (Quảng Nam); dự kiến sắp tới sẽ nâng cấp cửa khẩu Lóng Sập (Sơn La) - Pa Háng (Hòa-phấn) lên thành cửa khẩu quốc tế.

⁽⁴⁾ Phía Lào đã cấp quốc tịch cho 1.964 người/ 6.571 người, chỉ đạt 30,2%; Việt Nam đã cấp quốc tịch cho 1.439 người/1.836 người.

⁽⁵⁾ Từ năm 2016 đến 2020, đã cất bốc được 1.500 bộ hài cốt và đã hồi hương được 1.517 bộ hài cốt.

những khó khăn, vướng mắc, tiếp tục ký kết nhiều văn kiện hợp tác, tạo hành lang pháp lý đồng bộ để thúc đẩy hợp tác giữa hai nước.

Về đầu tư, tính đến nay, Việt Nam có 214 dự án đầu tư sang Lào còn hiệu lực, với tổng vốn đầu tư đăng ký khoảng 5,33 tỷ USD⁶, tiếp tục duy trì vị trí thứ 3 trong số các nước có hoạt động đầu tư tại Lào (sau Trung Quốc, Thái Lan). Một số dự án đã đi vào hoạt động đạt hiệu quả tốt, đã có doanh thu, thực hiện các nghĩa vụ tài chính với các cơ quan nhà nước Lào và tạo ra việc làm ổn định cho hàng vạn lao động của Lào. Từ năm 2017 đến năm 2021, hai bên tích cực triển khai và đưa vào sử dụng nhiều công trình, dự án sử dụng nguồn vốn viện trợ, trong đó có dự án trọng điểm như Bệnh viện Hữu nghị tại tỉnh Hòa-phăn và tỉnh Xiêng-khoảng của Lào. Đặc biệt, hai bên hoàn thành dự án công trình Nhà Quốc hội mới của Lào. Đây là món quà của Đảng, Nhà nước, nhân dân Việt Nam dành tặng Đảng, Nhà nước và nhân dân Lào, là biểu tượng của mối quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào.

Về thương mại, hai bên tiếp tục thúc đẩy, đàm phán và ký kết nhiều văn bản quan trọng, góp phần hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về thương mại (Hiệp định thương mại song phương mới, Hiệp định thương mại biên giới, Nghị định thư sửa đổi Hiệp định quá cảnh hàng hóa Việt Nam - Lào, Đề án phát triển thương mại biên giới Việt Nam - Lào...); chủ động, tích cực triển khai các văn kiện đã ký kết và cơ chế “một cửa, một lần dừng” tại cặp cửa khẩu quốc tế Lao Bảo –Đen-xạ-văn, tăng cường các biện pháp xúc tiến thương mại.

Giai đoạn 2016-2020, kim ngạch thương mại Việt Nam – Lào đã có những bước phát triển đáng kể, tốc độ tăng bình quân 4%/năm. Kim ngạch thương mại Việt Nam - Lào năm 2021 đạt trên 1,37 tỷ USD (*tăng khoảng 33,3% so với năm 2020*). Giai đoạn 2021-2025, hai nước phấn đấu tăng kim ngạch thương mại hai nước mỗi năm tăng 10%.

Trong 4 tháng đầu năm 2022, kim ngạch thương mại hai nước đạt 558,2 triệu USD (tăng 20,2% so với cùng kỳ năm 2021). Trong đó xuất khẩu của Việt Nam sang Lào đạt 192,2 triệu USD, tăng 11,8% và nhập khẩu của Việt Nam từ Lào đạt 366 triệu USD, tăng 48,5% so với cùng kỳ năm 2021.

Về giao thông vận tải, hai bên tiếp tục tập trung thực hiện Bản ghi nhớ giữa hai Chính phủ về Chiến lược hợp tác trong lĩnh vực giao thông vận tải giai đoạn 2016 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030. Theo đó, hai bên phối hợp nghiên cứu, thúc đẩy tìm kiếm nguồn vốn triển khai các dự án trọng điểm; triển khai Hiệp định hợp tác và đầu tư phát triển cụm bến cảng 1, 2, 3 tại cảng Vũng Áng; cơ bản hoàn thành dự án xây dựng sân bay Nồng-khạng tại tỉnh Hòa-phăn. Hai bên ký kết Thỏa

⁶ Phía Lào ghi nhận đã có 4,4 tỷ USD đăng ký đầu tư vào Lào (chưa tính phần vốn tăng thêm).

thuận về xây dựng và khai thác tuyến đường sắt Vũng Áng - Viêng Chăn; phối hợp đề nghị với Nhật Bản xem xét triển khai thực hiện dự án tuyến đường bộ cao tốc Hà Nội - Viêng Chăn; đẩy mạnh hợp tác trong lĩnh vực đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao về giao thông vận tải.

Về lĩnh vực năng lượng điện, hai bên đã ký kết Biên bản ghi nhớ về phát triển các dự án thủy điện tại Lào và mua bán điện giữa hai nước đến năm 2030 và Hiệp định về hợp tác phát triển các công trình năng lượng điện và mỏ; ký kết Bản ghi nhớ về hợp tác mua bán điện từ các công trình điện gió...

Về nông lâm và phát triển nông thôn, hai Bên đã thống nhất coi hợp tác trong lĩnh vực này là rất quan trọng, theo đó đã tăng cường trao đổi chuyên gia công nghệ, kỹ thuật và xây dựng mô hình phát triển nông nghiệp, nông thôn giảm nghèo, nâng cao năng lực thể chế, chính sách trong quản lý sản xuất nông lâm nghiệp, thủy sản và thủy lợi. Hai Bên tiếp tục hỗ trợ có hiệu quả cho phát triển nông thôn vùng trọng điểm tại các tỉnh: Xiêng-khoảng, Hòa-phần, Xay-xôm-bun; hoàn thành xây dựng các trung tâm dịch vụ kỹ thuật nông nghiệp; thống nhất xây dựng một số dự án thủy lợi. Hai bên đã phối hợp thực hiện tốt việc quản lý và bảo vệ rừng và tài nguyên thiên nhiên, ngăn chặn việc buôn bán-vận chuyển gỗ trái phép và lâm sản - thú rừng xuyên biên giới.

Về lĩnh vực y tế, công tác khám, chữa bệnh cho cán bộ và nhân dân Lào tại Việt Nam, nhất là tại các tỉnh có chung đường biên giới và công tác phối hợp khám, chữa bệnh từ xa tiếp tục được quan tâm thúc đẩy; Việt Nam luôn tạo điều kiện giúp Lào đào tạo cán bộ y tế; phối hợp chặt chẽ trong công tác phòng, chống dịch bệnh COVID-19.

4. Hợp tác về giáo dục - đào tạo, phát triển nguồn nhân lực

Việc triển khai Đề án nâng cao chất lượng và hiệu quả hợp tác Việt Nam - Lào trong lĩnh vực giáo dục và phát triển nguồn nhân lực giai đoạn 2011 - 2020 đã tạo ra sự thay đổi tích cực đối với công tác đào tạo nguồn nhân lực của Lào, trong đó điểm nhấn là việc triển khai xây dựng, sửa đổi các cơ chế, chính sách nhằm nâng cao công tác quản lý, tiếp nhận, đào tạo du học sinh Lào, điều chỉnh các chế độ học phí, sinh hoạt phí, tạo điều kiện cho công tác đào tạo ngày càng hiệu quả, tạo sự chuyển biến rõ rệt về số lượng và chất lượng. Hai bên phối hợp đẩy mạnh phong trào học tiếng Việt tại các cơ sở đào tạo và các cơ quan của Lào; hoàn thành biên soạn và bàn giao chương trình tiếng Việt (thực hiện thí điểm) từ lớp 1 đến lớp 12 để giảng dạy tại các trường trung học có nhu cầu và có đủ điều kiện tại Lào; biên soạn sách giáo khoa tiếng Việt cho học sinh Lào; thí điểm dạy song ngữ Việt - Lào trong Trường song ngữ Nguyễn Du, xây dựng từ điển Việt - Lào. Bên cạnh đó,

hai bên cũng thúc đẩy triển khai các dự án sửa chữa, nâng cấp, xây dựng mới trường học, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tổ chức công tác dạy và học của học sinh, sinh viên; đào tạo bồi dưỡng giáo viên, cán bộ tại Lào. Cuối năm 2020, hai bên đã ký kết Đề án nâng cao chất lượng và hiệu quả hợp tác Việt Nam - Lào trong lĩnh vực giáo dục và phát triển nguồn nhân lực giai đoạn 2021 – 2030, theo đó mỗi năm Việt Nam dành cho Lào hơn 1000 suất học bổng đào tạo và bồi dưỡng và Lào dành cho Việt Nam 60 suất học bổng.

Hai bên đã thúc đẩy hợp tác trong lĩnh vực dạy nghề thông qua cung cấp các trang thiết bị phục vụ cho việc dạy nghề của Lào; triển khai hợp tác hiệu quả trong tập huấn tay nghề cho các thí sinh Lào tham dự Hội thi tay nghề ASEAN hằng năm.

5. Quan hệ hợp tác, giúp đỡ lẫn nhau giữa các ban, bộ, ngành, cơ quan của Quốc hội, Mặt trận, các đoàn thể, các địa phương

Trong các chuyến thăm lẫn nhau, hai bên trao đổi kinh nghiệm về công tác xây dựng Đảng, phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh; giúp đỡ lẫn nhau giữa các địa phương, nhất là các địa phương có chung đường biên giới trong việc xây dựng kết cấu hạ tầng, chăm sóc y tế, đào tạo phát triển nguồn nhân lực, xóa nghèo, bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn tại các khu vực biên giới hai nước.

Hoạt động đối ngoại nhân dân được hai nước hai nước hết sức quan tâm trong đó Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể, tổ chức chính trị xã hội của hai nước thường xuyên tổ chức các chuyến thăm, trao đổi kinh nghiệm, tổ chức các hoạt động giao lưu văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao. Qua đó góp phần tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau giữa nhân dân hai nước, thúc đẩy quan hệ Việt Nam - Lào ngày càng phát triển đi vào chiều sâu./.